

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thay thế; bãi bỏ lĩnh vực Dược phẩm, lĩnh vực Y tế dự phòng, lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 30/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực Dược phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Y tế dự phòng, lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 421/TTr-SYT ngày 20 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh; lĩnh vực Giám định Y khoa thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và sửa đổi, bổ sung quy trình nội bộ số thứ tự số 07, số 08 khoản VI, Mục A Phần I; Thay thế quy trình nội bộ số thứ tự số 27, số 28 khoản VI, Mục A Phần I Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Y tế/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Bãi bỏ quy trình nội bộ số thứ tự số 1, mục B, phần I. Danh mục và Quy trình nội bộ mới ban hành; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh, lĩnh vực Dược phẩm thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, quy trình nội bộ số thứ tự số 2, số 3, số 4, số 9, số 10, số 11, số 12, số 20, số 21, số 22, số 23, số 24 khoản VI, Mục A Phần I Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Y tế/ UBND cấp huyện/ UBND cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang ban hành kèm theo Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải

quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, phmanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Nhàn

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ; BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐƯỢC PHẠM, LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, LĨNH VỰC Y, ĐƯỢC CỖ TRUYỀN THUỐC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**PHẦN I. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ
A. QUY TRÌNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH**

| STT | Mã TTHC | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | Ghi chú |
|-----------------------------------|----------------|--|----------------|
| I. LĨNH VỰC: Y TẾ DỰ PHÒNG | | | |
| 1 | 1.013034 | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | |
| 2 | 1.013035 | Thu hồi thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV | |
| 3 | 1.013036 | Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | |
| 4 | 1.013037 | Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | |
| 5 | 2.002683 | Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính | |
| 6 | 2.002684 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính | |
| 7 | 2.002685 | Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính | |
| 8 | 1.002564 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | |
| 9 | 1.001189 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | |
| 10 | 1.001178 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh | |

| STT | Mã TTHC | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | Ghi chú |
|--|----------------|---|----------------|
| | | vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT | |
| 11 | 1.001114 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo | |
| 12 | 1.004070 | Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | |
| 13 | 1.004062 | Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | |
| II. LĨNH VỰC: Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN | | | |
| 1 | 1.009249 | Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền | |

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Mã TTHC | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | Ghi chú |
|--------------------------------|----------------|--|----------------|
| LĨNH VỰC: Y TẾ DỰ PHÒNG | | | |
| 1 | 1.002944 | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | |
| 2 | 1.002467 | Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm | |

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐƯỢC THAY THẾ

| TT | Mã TTHC | Tên TTHC được thay thế | Tên TTHC thay thế | Ghi chú |
|-----------|----------------|--|--------------------------------------|----------------|
| 1 | 1.004568 | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | |
| 2 | 1.004541 | Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | | |

D. QUY TRÌNH NỘI BỘ BỊ BỎ

| STT | Mã TTHC | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH | Ghi chú |
|------------------------------------|--------------------|---|--------------------|
| I. LĨNH VỰC: DUỢC PHẨM | | | |
| 1 | 1.003613 | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước | |
| II. LĨNH VỰC: Y TẾ DỰ PHÒNG | | | |
| 1 | 1.006422 | Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính | |
| 2 | 1.006425 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính | |
| 3 | 1.006431 | Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính | |
| 4 | 1.003481 | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng | |
| 5 | 1.003468 | Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng | |
| 6 | 1.004612 | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng | |
| 7 | 1.004606 | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý | |
| 8 | 1.004600 | Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý | |
| 9 | 1.004471 | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất | |
| 10 | 1.004477 | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự | |
| 11 | 1.004488 | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | |
| 12 | 1.004461 | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ | |